TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN T	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH T	*T, ngày 20 tháng 7 năm 2021*

Số: 180 /2021/QĐST - HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lýsố: 123/2021/TLST-HNGĐ ngày 29/4/2021 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân P ; Sinh năm: 1991

Bị đơn: Chị Đỗ Thị M; Sinh năm: 1992

Đều trú tại: thôn 1, xã X, huyện T, tỉnh T.

Căn cứ vào và khoản 3,4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27; Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12/ 7/2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12/7/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Xuân P và chị Đỗ Thị M

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân P và chị Đỗ Thị M đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên thuận tình ly hôn.
- Về con chung : Vợ chồng có 01 con chung, là cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 11/02/2016, sau khi ly hôn vợ chồng thống nhất anh Nguyễn Xuân P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thu H. chị M không cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Mcó quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản: Tài sản chung của vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí: Hai bên thống nhất thỏa thuận anh Nguyễn Xuân P chịu toàn bộ án

phí DSST là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2019/0006443 ngày 29/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Anh P được nhận lại 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân H.T;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T
- P. Ktra nghiệp vụ vàTHAHSTAND tỉnh T
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

CAO HỒNG ĐỨC